

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm yêu cầu kỹ thuật (mang tính kỹ thuật thuần túy) và các yêu cầu khác liên quan đến việc cung cấp hàng hóa (trừ giá). Yêu cầu về kỹ thuật phải được nêu đầy đủ, rõ ràng và cụ thể để làm cơ sở cho nhà thầu lập E-HSDT.

Trong yêu cầu về kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, đồng thời cũng không đưa ra các yêu cầu quá cao dẫn đến làm tăng giá dự thầu hoặc làm hạn chế sự tham gia của các nhà thầu, không được nêu yêu cầu về tên, ký mã hiệu, nhãn hiệu cụ thể của hàng hóa.

Hồ sơ mời thầu được nêu nhãn hiệu, catalô của một sản phẩm cụ thể để tham khảo, minh họa cho yêu cầu về kỹ thuật của hàng hóa nhưng phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô đồng thời phải quy định rõ nội hàm tương đương với hàng hóa đó về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có) để tạo thuận lợi cho nhà thầu trong quá trình chuẩn bị E-HSDT mà không được quy định tương đương về xuất xứ.

Yêu cầu về kỹ thuật bao gồm các nội dung cơ bản như sau:

1. Giới thiệu chung về dự án, gói thầu

- Tên gói thầu: “Gói thầu 4: Mua vật tư, thức ăn, thuốc trị bệnh thủy sản”
- Tên dự toán: “Mua vật tư, hóa chất phòng thí nghiệm; mua vật tư nông nghiệp, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật; mua nguyên vật liệu; mua vật tư, thức ăn, thuốc trị bệnh thủy sản; mua cây giống, hạt giống; mua con giống thủy sản; mua sắm và lắp đặt thiết bị, công cụ dụng cụ phục vụ mô hình trình diễn và các nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng năm 2026”
- Địa điểm cung cấp: Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Nông nghiệp Công nghệ cao, Địa chỉ: Ấp 1 - xã Nhuận Đức - Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày.
- Ngân sách: Ngân sách nhà nước năm 2026
- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh thông thường, qua mạng
- Quy mô gói thầu: Cung cấp hàng hóa chi tiết nêu tại Phạm vi cung cấp Mẫu số 01A (webform trên Hệ thống).

2. Yêu cầu về kỹ thuật

2.1 Yêu cầu chung

2.1.1. Tình trạng hàng hóa

- Hàng hóa phải mới 100%, chưa qua sử dụng
- Phù hợp với đặc thù từng nhóm hàng:
 - Hàng tươi sống (tôm, thịt, trùn, artemia, rong...): phải còn sống hoặc tươi, không ôi thiu, không nhiễm bệnh
 - Hàng khô, bột, hóa chất: không vón cục, không ẩm mốc, không biến đổi màu sắc
 - Thiết bị, dụng cụ: chưa qua sử dụng, hoạt động bình thường

2.1.2. Nguồn gốc xuất xứ:

- Nhà thầu phải kê khai rõ: tên hàng hóa, hãng sản xuất (nếu có), nước sản xuất, mã sản phẩm (nếu có).
- Hàng hóa phải có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng theo quy định của pháp luật hiện hành và phù hợp với yêu cầu của HSMT.

2.1.3. Tiêu chuẩn chất lượng

- Hàng hóa phải đáp ứng đồng thời:
 - a) Theo danh mục chi tiết
 - Đáp ứng đúng: Thành phần (protein, vi sinh, hóa chất...); Hàm lượng (% , CFU, mg/L...); Kích thước, quy cách.
 - b) Theo nhóm hàng
 - (1) Nhóm hóa chất-chế phẩm thủy sản
 - Đáp ứng Hàm lượng đậm, béo, xơ đúng yêu cầu ; Không gây đục nước; Không chứa chất cấm
 - Có Thành phần rõ ràng; Nồng độ đúng yêu cầu
 - Không chứa Tạp chất nguy hại, Hoạt chất bị cấm
 - (2) Nhóm vật tư – thiết bị - dụng cụ
 - Đảm bảo Đúng thông số kỹ thuật, hoạt động ổn định
 - (3) Nhóm thực phẩm tươi
 - Đảm bảo: Tươi, Không nhiễm bệnh, Đạt tiêu chuẩn an toàn thực phẩm
- Nhà thầu phải cung cấp Tài liệu thể hiện các thông số cơ bản để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật:
 - Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa (catalogue, brochure, datasheet hoặc tài liệu tương đương).

- Trường hợp hàng hóa không có catalogue/brochure, nhà thầu được phép cung cấp bản mô tả kỹ thuật do nhà sản xuất hoặc nhà thầu lập, trong đó phải thể hiện đầy đủ các thông số kỹ thuật cơ bản để chứng minh sự đáp ứng yêu cầu của HSMT. Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các nội dung đã kê khai; các thông tin này là cơ sở để đối chiếu, kiểm tra và nghiệm thu khi cung cấp hàng hóa.
- Thông tin về điều kiện bảo quản (đối với hàng hóa có yêu cầu bảo quản).

2.1.4. Hạn sử dụng

a) Hàng có hạn sử dụng

- Tại thời điểm giao hàng: $\geq 50\%$ hạn sử dụng hoặc ≥ 12 tháng (tùy điều kiện nào dài hơn)

b) Hàng không có hạn sử dụng

- Nhà thầu phải cam kết:
 - Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, chưa qua sửa chữa hoặc tân trang;
 - Đảm bảo chất lượng, tính năng kỹ thuật và hiệu quả sử dụng theo đúng công bố của nhà sản xuất hoặc tiêu chuẩn áp dụng;
- Hàng hóa phải:
 - Không bị hư hỏng, biến dạng, oxy hóa hoặc xuống cấp chất lượng;
 - Phù hợp với mục đích sử dụng theo yêu cầu của gói thầu;

c) Hàng tươi sống

- Hàng hóa được đánh giá trực tiếp tại thời điểm giao hàng, phải đáp ứng các yêu cầu sau:
 - Thực phẩm tươi (tôm, thịt...): giữ được độ tươi, màu sắc tự nhiên
 - Không có dấu hiệu nhiễm bệnh, nhiễm nấm, ký sinh trùng;
- Không chấp nhận:
 - Hàng hóa đã qua cấp đông
 - Hàng hóa có dấu hiệu bảo quản không đúng quy định

2.1.5. Bao gói, bảo quản và vận chuyển

- Hàng hóa phải được đóng gói nguyên đai, nguyên kiện theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất (đối với hàng hóa có bao gói thương mại).
- Bao bì phải bảo đảm an toàn trong quá trình vận chuyển, bốc xếp và lưu kho.

- Đối với hàng hóa có yêu cầu điều kiện bảo quản đặc biệt (như bảo quản lạnh, tránh ánh sáng, chống ẩm...), nhà thầu phải bảo đảm điều kiện vận chuyển và giao hàng phù hợp theo hướng dẫn của nhà sản xuất.

2.1.6. Nhãn hàng hóa:

Hàng hóa thuộc đối tượng phải ghi nhãn theo quy định của pháp luật về nhãn hàng hóa phải có nhãn, thể hiện tối thiểu các nội dung sau:

- Tên hàng hóa;
- Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hàng hóa;
- Xuất xứ hàng hóa;
- Số lô (nếu có);
- Ngày sản xuất, hạn sử dụng (đối với hàng hóa có quy định về hạn sử dụng).

Nội dung nhãn thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành; trường hợp hàng hóa nhập khẩu hoặc hàng hóa đặc thù, được phép sử dụng nhãn gốc kèm nhãn phụ theo quy định.

Đối với hàng hóa không thuộc đối tượng phải ghi nhãn (như vật tư rời, hàng gia công, thiết bị lắp ghép không có bao gói thương mại...):

- Không bắt buộc phải có nhãn hàng hóa;
- Tuy nhiên, nhà thầu phải cung cấp đầy đủ các thông tin để nhận diện hàng hóa, bao gồm:
 - o Tên hàng hóa;
 - o Xuất xứ;
 - o Nhà sản xuất hoặc đơn vị cung cấp (nếu có);

2.1.7 Yêu cầu pháp lý chuyên ngành đối với thuốc thủy sản, hóa chất,vi sinh

- Hàng hóa phải đáp ứng quy định của pháp luật chuyên ngành tại thời điểm giao hàng.
- Trường hợp pháp luật quy định phải được phép lưu hành hoặc thuộc danh mục được phép sử dụng thì nhà thầu phải bảo đảm hàng hóa đáp ứng điều kiện đó.
- Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của hàng hóa cung cấp; trường hợp hàng hóa không đủ điều kiện lưu hành theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, nhà thầu phải thu hồi và thay thế bằng hàng hóa hợp pháp, bảo đảm tiến độ thực hiện hợp đồng.

2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết:

Các thông số kỹ thuật nêu trong bảng là yêu cầu tối thiểu; nhà thầu được phép chào hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc cao hơn

STT	DIỄN GIẢI	YCKT	ĐVT
1	Muối	Muối dạng tinh thể, màu trắng	Kg
2	Tôm	tôm tươi, size 30-40 con/kg	Kg
3	Thịt bò	Thịt thăn bò, thịt đỏ tươi.	Kg
4	Thức ăn viên cá bố mẹ	Protein (min) 50%. Hạt nổi, kích thước hạt nhỏ	Bao 10kg
5	Vi sinh xử lý nước	Mật độ vi sinh: Dạng bột: $1 \times 10^9 - 3 \times 10^{10}$ CFU/g; Dạng dịch: $3 \times 10^{10} - 5 \times 10^{10}$ CFU/ml	Kg
6	Men vi sinh	Bacillus Subtilis: 9×10^{12} CFU/g. Lactobacillus Lactis: 9×10^{12} CFU/g. Nitrosomonas sp: 9×10^{12} CFU/g. Nitrobacter sp: 9×10^{12} CFU/g. Streptomyces: 9×10^{12} CFU/g	kg
7	Khoáng và vitamin tổng hợp cho cá	Vitamin A, D3, K3, E, B1, B2, B3, B5, B6, B8, B9; Khoáng chất: Hỗn hợp khoáng vi lượng	Kg
8	Kháng sinh Tetracycline	Thành phần Sodium Nifurstyrenate	Hộp 20 gói
9	Chất diệt khuẩn iodine	Dạng dung dịch, povidon iodine chứa 10%	Lít
10	Test đo pH nước	Bao gồm: 01 lọ dung dịch test pH (≥ 80 lần test) và 01 ống nghiệm chia vạch	Bộ
11	Hạt Nâng pH	Kích thước hạt: $\geq 1,27$ mm; Thành phần: 97% MgO	Bao 22.68kg
12	Sứ viên lọc nước	Hình trụ tròn. Kích thước: Dài 2-3cm, đường kính 2cm	Kg
13	Nham thạch	Đá có nguồn gốc từ núi lửa, xốp	Kg
14	Đèn UV 9W	Điện áp: 220V; Công suất: 9W	Cái
15	Đá sục khí lớn 5,5cm x 2cm	Hình trụ tròn, Đường kính sứ trụ: 2cm (+1-2mm)	Hộp 50 cái
16	Bóng đèn UV diệt tảo	Nguồn điện: 220~240V/50Hz. Công suất tiêu thụ điện năng: 100W. Kích thước: 85CM. Tích hợp: Đối Trọng	Cái

17	Dây sục khí 5 mm	Chất liệu: nhựa mềm, trong suốt	Cuộn 30m
18	Van chỉnh khí	Chất liệu: nhựa. Dùng cho dây oxi 4÷ 5mm	Bịch 100 cái
19	Cây sưởi nâng nhiệt 1500 W	Công suất: 1500W. Nguồn điện: 220-240V/50Hz. Có cảm biến chống cạn	Cái
20	Thức ăn viên 42% đạm	Đạm (min) 42%, kích cỡ viên 2 mm	Kg
21	Cây sưởi nâng nhiệt	Công suất 200w. Nguồn: 220-240V/50-60Hz, Sưởi bên ngoài có vỏ nhựa bảo vệ. Có núm điều chỉnh nhiệt độ.	Cái
22	Thức ăn viên 35% đạm	Thành phần: Protein: 35%, Độ ẩm 11%, Xơ: 6%, Béo: 6%, Phospho: 1%	Kg
23	Chất diệt khuẩn BKC	Thành phần: BKC 80% (Benzalkonium Chloride)	Can 20 lít
24	Oxytetracycline	Oxytetracycline HCL 99%; Tá dược vừa đủ 100%	Kg
25	Dolomite	THÀNH PHẦN: CaO (min - max) : 40 - 50%; MgO (min - max) : 15 - 20%; Độ ẩm (max) : 10%; Bột đá vừa đủ 100%	Bao 25kg
26	Diệt cá tạp Saponin	Hàm lượng saponin 15%	Bao 10kg
27	Vợt cán dài vợt cá phi 50cm	Đường kính 50cm, cán dài 1,5m, cán hợp kim nhôm	Cái
28	Ống nano oxy	Đường kính trong 14mm, đường kính ngoài 20mm. Độ dày thành ống 5mm. Chất liệu: cao su thiên nhiên không có mùi hôi	Cuộn 100m
29	Thức ăn viên 40% đạm	Đạm (min) 40%; Béo tối thiểu: 6%; Độ ẩm tối đa: 11%	Bao 25kg
30	Bicar Food (sodium bicarbonat)	Thành phần Sodium Bicarbonate: NaHCO ₃	Bao 25kg
31	Hạt nhựa vi sinh	Kích thước: DxH=25×10 mm. Nhiệt độ làm việc: 5 – 45°C. Vật liệu chế tạo: Nhựa HDPE.	Kg
32	Chổi lọc	Dài 100cm, Chất liệu: cước	Cây
33	Artemia	Tỷ lệ nở: ≥90%	Hộp 425g
34	Thức ăn viên cá con	Cám hạt nổi, không gây đục nước. Protein (min) 55%	Bao 3kg

35	Thuốc kháng nấm	Dung Dịch Xanh Methylen 1% dùng điều trị nhiễm virus ngoài da. Hoạt chất: Xanh Methylen 200mg. Tả được: nước tinh khiết vừa đủ 20ml.	Chai 20ml
36	Tảo khô	Thành phần: 100% tảo spirulina	Hộp 500g
37	Vitamin E	Dạng viên nang	Hộp 100 viên
38	Chất kết dính tự nhiên	Protein thực vật, thành phần: đậm 75% min, tro 1,5% max, béo 2.5% max, độ ẩm 9% max	Gói 400g
39	Cây sưởi nâng nhiệt	Công suất: 600W. Nguồn điện: 220V-240V/50Hz. Có cảm biến chống cạn	Cái
40	Chất kích màu cho cá Carophyll Pink® 10%	Có chứa 10 % Astaxanthin	Gói 10g
41	Thức ăn tôm số 0	Dạng bột <25 mesh; Protein thô: 42% , Chất béo thô: 6% ,Chất xơ thô: 3%. Độ ẩm 11%	Kg
42	Thức ăn tôm số 1	Dạng mảnh 18-25 mesh; Protein thô: 42% , Chất béo thô: 6% ,Chất xơ thô: 3%. Độ ẩm 11%	Kg
43	Thức ăn tôm số 2	Dạng viên 1x1.5 - 2mm; Protein thô: 42% , Chất béo thô: 6% ,Chất xơ thô: 3%. Độ ẩm 11%	Kg
44	Thức ăn tôm số 3	Dạng viên 1.2x1.8 - 2.5mm; Protein thô: 42% , Chất béo thô: 5% ,Chất xơ thô: 3%. Độ ẩm 11%	Kg
45	Thức ăn cho cá tôm nhỏ	Protein 48%, lipid 9%	Lon 1,250g

46	Muối pha nước biển	Muối tổng hợp dùng để pha tạo nước biển nhân tạo phục vụ nuôi thủy sinh/cá cảnh; Không chứa chất chống kết tủa. Không chứa nitrat, photphat, silicat và các chất gây ô nhiễm khác. Sản phẩm sau khi pha theo hướng dẫn của nhà sản xuất (đạt độ mặn khoảng 35 ppt) phải đáp ứng các chỉ tiêu tối thiểu sau: pH: 8.1 – 8.3 Độ kiềm: 8.7 – 9.7 dKH Kali (K): 385 – 420 mg/L Canxi (Ca): 400 – 440 mg/L Magie (Mg): 1240 – 1320 mg/L Clorua (Cl ⁻): 17.800 – 20.000 mg/L (hoặc tương đương)	Xô 5kg
47	Formaline	HCHO 35-37%	Lít
48	EDTA	EDTA 99%. Dùng để xử lý kim loại nặng, phèn sắt, phèn nhôm trong nước và làm giảm độ cứng của nước trong ương giống.	Kg
49	Thuốc tím	KMnO ₄ , Dạng bột tinh thể tím đậm, độ tinh khiết ≥ 99.8%	Kg
50	Thiosunfat	Na ₂ S ₂ O ₃ .5H ₂ O Sodium thiosulfate pentahydrate. Dạng tinh thể màu trắng, dùng để khử chlorine	Kg
51	Khoáng Alkaline	Thành phần: Natri (Na): >10%, Canxi (Ca): >18%, Độ ẩm: <12%	Kg
52	Test NO ₂	Bao gồm: 02 lọ dung dịch test NO ₂ 15ml và 01 ống nghiệm chia vạch	Bộ
53	Kit kiểm tra Chlorine	Kiểm tra nhanh chlorine trong môi trường nước	Bộ

54	Test Mg	Bao gồm: 5 lọ test Mg có đánh số thứ tự từ 1 đến 5 và 01 ống nghiệm chia vạch, 01 xi lanh chuyên dụng	Bộ
55	Test Ca	Bao gồm: 2 lọ test Ca 15ml số 1 và số 3; 01 lọ thuốc thử số 2 và 01 ống nghiệm chia vạch.	Bộ
56	Vợt vuông	Cán gỗ dài 50 cm, khung vợt có kích thước: 35cm x 40cm, lưới siêu mịn	Cái
57	Vợt vớt artemia	Vợt vớt artemia, đường kính 30 cm	Cái
58	Vợt tròn	Kích thước: D = 7cm. Mất lưới siêu nhỏ	Cái
59	Vợt số 1	Vợt lòng cạn nano đường kính 30 cm	Cái
60	Vợt số 2	Vợt lòng cạn nano đường kính 30 cm, có lưới nano lọc artemia	Cái
61	Vợt số 3	Vợt lòng cạn nano đường kính 30 cm, có lưới thưa lọc bobo	Cái
62	Xô 20 lít	Kích thước: 37 x 34 x 33 cm, nhựa PP	Cái
63	Xô 5 lít	Kích thước: 20 x 16 x 17 cm, nhựa PP	Cái
64	Tấm bù nhùi	Cấu tạo: sợi nhựa, kích thước 2mx1m, dày 4 cm	Tấm
65	Vitamin A	Dạng bột mịn, bổ sung các vitamin, khoáng chất	Kg
66	Chất diệt khuẩn Vikon A	Sát trùng, diệt virus, vi khuẩn, nấm... trong nước để phòng bệnh virus Đốm trắng, Taura, bệnh do vi khuẩn Vibrio.sp gây ra	Gói 100g
67	Chế phẩm vi sinh xử lý nước	Mật độ vi sinh tổng số $>10^9$ CFU/g	Kg
68	Thuốc trị nấm	Sản phẩm chứa Bronopol 50%	Lít
69	Test đo độ cứng	Kiểm tra độ cứng trong môi trường nước. Bao gồm: chai thuốc 15ml, lọ thủy tinh	Bộ
70	Cát thạch anh	Thành phần: SiO ₂ 99,98%, Kích cỡ hạt 0,6 - 1,2 mm	Bao 25kg
71	Sỏi 3 màu	Sỏi sỏi 3 màu, sỏi hỗn hợp trải nền	Bao 10kg

72	Ovaprim	Chuyên dụng để kích thích cá sinh sản	Chai 10ml
73	Vitamin C	Thành phần: Ascorbic Acid 99%.	Kg
74	Clorine A	Hàm lượng Clo Min 70%	Kg
75	Vèo ương cá giống	Lưới bằng sợi dù , Chiều cao: 2m. Chiều dài: 30m. Túi : 4m. Mất lưới: 4 cm. Phao độ bền cao.	Cái
76	Test đo kiềm	Kiểm tra độ kiềm trong môi trường nước.	Bộ
77	Test NH3	Kiểm tra NH3 trong môi trường nước	Bộ
78	Vợt bắt cá loại nhỏ	Vợt bắt cá có kích thước 15 x 12,5 cm, cán inox, vợt vải lưới. dạng ăng ten rút ngắn và kéo dài tiện lợi.	Cái
79	Thức ăn viên dạng chìm	Dạng hạt chìm, kích cỡ 1,7mm, không gây đục nước. Protein (min) 48.0%	Gói 300g
80	Ống 21	Nhựa PVC	Cây 4m
81	Khóa – phi 21	Chất liệu nhựa PVC. Đường kính: Ø21	Cái
82	Co 21	Nhựa PVC	Cái
83	Ống nối – phi 21	Nhựa PVC	Cái
84	Bít – phi 21	Nhựa PVC	Cái
85	Tê phi 21	Nhựa PVC	Cái
86	Keo dán ống	Chất liệu Dung môi Cyclohexanone và phụ gia.	Hũ 200g
87	Ống 34	Nhựa PVC	Cây 4m
88	Ống giảm 90/49	Nhựa PVC	Cái
89	Khóa - phi 34	Chất liệu nhựa PVC. Đường kính Ø34	Cái
90	Co 34	Nhựa PVC	Cái
91	Nối 34	Nhựa PVC	Cái
92	Tê 34	Nhựa PVC	Cái
93	Ống giảm 90/34	Nhựa PVC	Cái
94	Gỗ lửa	Gỗ lửa linh sam, đặc tính chìm trong nước, không ra màu.	Kg
95	Vợt bắt cá loại lớn 18 x 26cm	Vợt bắt cá có cán cầm bằng sắt bọc nhựa	Cái

96	Tấm bông gòn lọc	Bông lọc chuyên dụng cho hồ cá cảnh, có tác dụng cản chất thải thô, làm chỗ trú ngụ cho vi sinh vật có ích, góp phần làm trong sạch nguồn nước hồ cá.	Kg
97	Trùn quế	Tươi sống, màu nâu đỏ.	Kg
98	Thuốc trị nội ký sinh	Có chứa: Praziquantel, trị kí sinh trùng.	Kg
99	Kéo cắt ống	Cán hợp kim nhôm. Khả năng cắt: Ø42mm	Cái
100	Thức ăn công nghiệp (1.5mm)	Thức ăn dạng nổi, đậm 40%; Kích thước viên thức ăn 1,5 mm	Bao 25kg
101	Thức ăn công nghiệp (2.2mm)	Thức ăn dạng nổi, đậm 35%; Kích thước viên thức ăn 2 mm	Bao 25kg
102	Thức ăn công nghiệp (3mm)	Thức ăn dạng nổi, đậm 40 - 45%; Kích thước viên thức ăn 3mm	Bao 25kg
103	Ống 90	Nhựa PVC	Cây 4m
104	Giá thể (dây nylon)	dây nylon màu đen, chiều rộng ≥ 1 cm. Mỗi sợi có độ dài ≥ 2.5 m	Kg
105	Bơm kim tiêm 1ml	Dung tích bơm tiêm: 1ml / cc, Kích cỡ kim: 26 (26g x 1/2), vô trùng	Hộp 100 cái
106	Men tiêu hóa	Men tiêu hóa dạng bột, có chứa Protease, Amylase, Phytase, Xylanase	Kg
107	Thức ăn cho cá con	Thức ăn hỗn hợp dạng viên cho cá con, Protein: 45-52%	Kg
108	Sợi len	size: 3mm; Dạng sợi dệt mắt na, màu xanh than	Cuộn 200g
109	San hô	Chuyên dụng cho hồ cá, giúp cân bằng pH	Kg
110	Ghế nhựa thấp	Ghế nhựa xếp kích thước 32,5 x 29 x 26,3 cm. Nhựa PP	Cái
111	Dây sục khí 6mm	Chất liệu: nhựa mềm, trong suốt	Cuộn 30m

Trường hợp HSMT có tham chiếu đến nhãn hiệu, sản phẩm cụ thể (nếu có), nội dung này chỉ nhằm mục đích minh họa cho yêu cầu kỹ thuật; nhà thầu được phép chào hàng hóa “hoặc tương đương”, với điều kiện:

- Tương đương hoặc cao hơn về:

- Thành phần;
- Thông số kỹ thuật;
- Công năng, mục đích sử dụng;
- Hiệu quả sử dụng;
- Đồng thời phải đáp ứng các yêu cầu bắt buộc khác của HSMT, bao gồm:
 - Yêu cầu về nguồn gốc, xuất xứ;
 - Yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng;
 - Yêu cầu về điều kiện bảo quản, vận chuyển;
- Nhà thầu có trách nhiệm:
 - Cung cấp tài liệu chứng minh tính tương đương;
 - Chịu trách nhiệm về tính chính xác của việc xác định “tương đương”

3. Các yêu cầu khác

Nhà thầu phải cam kết:

- Cung cấp đúng chủng loại, số lượng theo hợp đồng;
- Chịu trách nhiệm thay thế hàng hóa nếu phát hiện không đạt yêu cầu chất lượng;
- Cung cấp hàng hóa trong vòng 48 giờ (02 ngày) kể từ khi nhận được yêu cầu giao hàng của Trung tâm.
- Trường hợp hàng hóa không đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, chất lượng hoặc hạn sử dụng, Chủ đầu tư có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu nhà thầu thay thế mà không phát sinh chi phí.

Mục 2. Bản vẽ

Không có bản vẽ

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

- Chủ đầu tư có quyền kiểm tra tình trạng, số lượng, nhãn mác và tài liệu kèm theo khi nhận hàng.
- Trường hợp phát hiện hàng hóa không phù hợp yêu cầu kỹ thuật hoặc không bảo đảm hạn sử dụng theo quy định, nhà thầu phải thay thế trong thời gian ≤ 48 giờ.